

Phim X-quang đã tải lên



Quá trình tư duy tổng thể của AI

1

Quan sát tổng thể ban đầu

Kiểm tra chất lượng phim X-quang toàn cảnh, đảm bảo rõ nét các cấu trúc giải phẫu chính của răng, xương hàm và khớp thái dương hàm.

2

Đánh giá tình trạng răng khôn (răng số 8)

Tập trung vào vị trí và hướng mọc của răng số 8 hàm dưới hai bên. Quan sát thấy răng số 8 hàm dưới bên trái mọc lệch gần (ngà về phía răng số 7) và có dấu hiệu bị cản trở bởi cành lèn xương hàm dưới, chưa mọc hoàn toàn lên cung hàm. Tương tự, răng số 8 hàm dưới bên phải cũng mọc lệch gần và bị cản trở mọc hoàn toàn.

3

Kiểm tra tình trạng xương ổ răng và mức độ tiêu xương

Đánh giá mức độ xương xung quanh chân răng. Nhìn chung, tình trạng xương ổ răng quanh các răng ổn định, phù hợp với lứa tuổi của bệnh nhân (21 tuổi). Không phát hiện dấu hiệu tiêu xương nha chu đáng kể trên phim toàn cảnh.

4

Tìm kiếm dấu hiệu sâu răng và các phục hình

Rà soát kỹ lưỡng các thân răng để tìm vùng giảm mật độ cản quang gợi ý sâu răng. Trên phim toàn cảnh này, không phát hiện rõ ràng các tổn thương sâu răng đáng kể nào. Cũng kiểm tra sự hiện diện của các phục hình như trám răng hay mão răng.

5

Kiểm tra các cấu trúc khác

Quan sát khớp thái dương hàm, xoang hàm trên và ống răng dưới để tìm kiếm các bất thường hoặc tổn thương khác (như nang, u, v.v.). Trên phim này, các cấu trúc này nhìn chung bình thường.

6

Tổng hợp và đưa ra kết luận

Dựa trên các quan sát, tổng hợp lại các vấn đề chính được chẩn đoán: sự mọc lệch và cản trở của răng khôn hàm dưới hai bên là vấn đề đáng lưu ý. Tình trạng xương và sự hiện diện của sâu răng trên phim toàn cảnh là bình thường.

Kết quả chẩn đoán chi tiết

Đánh giá Rủi ro Tổng thể:

Nguy cơ nha khoa tổng thể ở mức trung bình, chủ yếu do răng khôn mọc lệch và khả năng phát sinh biến chứng liên quan.

Moderate: Răng số 8 hàm dưới bên trái mọc lệch gần và bị cản trở mọc hoàn toàn.

Vị trí: răng số 8 hàm dưới bên trái

Độ tin cậy của AI: 🔒 High

Chi tiết kỹ thuật:

Răng số 8 hàm dưới bên trái chưa mọc hoàn toàn vào cung hàm, có xu hướng nghiêng về phía răng số 7, có thể gây kẹt thức ăn, khó vệ sinh, dẫn đến sâu răng hoặc viêm lợi trùm. Chân răng đang phát triển.

Lý do chẩn đoán (Dấu hiệu X-quang):

- Răng nằm dưới mặt phẳng nhai
- Nghiêng về phía gần
- Thân răng bị che phủ bởi nướu/xương

Tiêu lượng (nếu điều trị):

Tiêu lượng tốt sau khi nhổ bỏ răng theo chỉ định.

Tiêu lượng (nếu không điều trị):

Nguy cơ cao gây ra các biến chứng như viêm nhiễm (viêm lợi trùm), sâu răng răng kế cận (răng số 7), hoặc chen chúc răng.

[Giải thích cho bệnh nhân](#)

[Đề xuất Kế hoạch Điều trị](#)

Mild: Tình trạng xương ổ răng nhìn chung bình thường cho lứa tuổi.

Vị trí: Toàn hàm

Độ tin cậy của AI: 🔑 Medium

Chi tiết kỹ thuật:

Trên phim toàn cảnh, chiều cao xương ổ răng quanh chân răng đa số nằm trong giới hạn bình thường. Không thấy dấu hiệu rõ ràng của tiêu xương nghiêm trọng. Cần thăm khám lâm sàng và phim X-quang cận chóp/cánh cắn để đánh giá chi tiết hơn tình trạng nha chu.

Lý do chẩn đoán (Dấu hiệu X-quang):

- Chiều cao xương ổ răng được bảo tồn tương đối tốt so với đường nối men-xêmen

Tiêu lượng (nếu điều trị):

Tiêu lượng tốt nếu duy trì vệ sinh răng miệng đầy đủ và khám nha khoa định kỳ.

Tiêu lượng (nếu không điều trị):

Có nguy cơ tiến triển bệnh nha chu nếu có các yếu tố nguy cơ khác (mảng bám, vôi răng, bệnh toàn thân).

[Giải thích cho bệnh nhân](#)

[Đề xuất Kế hoạch Điều trị](#)

Mild: Không phát hiện rõ các tổn thương sâu răng đáng kể trên phim toàn cảnh.

Vị trí: Toàn hàm

Độ tin cậy của AI: 🔑 Low

Chi tiết kỹ thuật:

Phim X-quang toàn cảnh hạn chế trong việc phát hiện sâu răng giai đoạn sớm hoặc sâu răng ở các vị trí khuất như mặt kẽ. Cần kết hợp khám lâm sàng và các loại phim X-quang khác (cánh cắn, cận chóp) để chẩn đoán chính xác.

Lý do chẩn đoán (Dấu hiệu X-quang):

- Không có vùng thấu quang lớn rõ ràng trên phim toàn cảnh nghi ngờ sâu răng

Tiêu lượng (nếu điều trị):

Tiêu lượng tốt nếu phát hiện sớm và can thiệp kịp thời.

Tiêu lượng (nếu không điều trị):

Nguy cơ phát triển các tổn thương sâu răng tiềm ẩn hoặc mới nếu không có biện pháp phòng ngừa và kiểm tra định kỳ.

[Giải thích cho bệnh nhân](#)

[Đề xuất Kế hoạch Điều trị](#)